

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 4510/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 125/TTr-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCD CTHĐ 09 của Tỉnh ủy;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND

ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá khách quan, toàn diện tình hình, kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh năm 2023 và theo các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến công tác cải cách hành chính, làm tiền đề để nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của tỉnh trong những năm tiếp theo.

b) Kịp thời khắc phục hạn chế, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, xử lý các vi phạm; ghi nhận và xem xét giải quyết những đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

c) Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tạo chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát hiện những mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả để có giải pháp nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Việc kiểm tra phải toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, khách quan, đảm bảo hiệu quả; không gây trở ngại đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

b) Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

c) Biên bản của các cuộc kiểm tra phải được lập đầy đủ và lưu trữ theo quy định; kiến nghị của Đoàn kiểm tra phải được thực hiện nghiêm túc và báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

a) Nội dung kiểm tra

Kiểm tra việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị, địa phương (tính đến thời điểm kiểm tra). Trong đó, tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau:

- Công tác chỉ đạo, điều hành: việc xây dựng và tình hình thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023; việc khắc phục những tồn tại, hạn chế qua

đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số Đo lường sự hài lòng của tổ chức, người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI).

- Cải cách thể chế: việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; tình hình thi hành pháp luật và công tác phổ biến giáo dục pháp luật; việc thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách đảm bảo việc tiếp cận của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Cải cách thủ tục hành chính: việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ. Việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Triển khai Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh”. Thực hiện ủy quyền, phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính; xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quy định hành chính.

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: việc rà soát sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong theo quy định. Việc hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện. Thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện phân cấp, ủy quyền và công tác kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị đã thực hiện phân cấp, ủy quyền; xử lý các vấn đề về phân cấp, ủy quyền phát hiện qua kiểm tra.

- Cải cách chế độ công vụ: việc xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác. Công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ, công chức; bố trí cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo đúng quy định.

- Cải cách tài chính công: việc thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xây dựng, hoàn thiện Danh mục dịch vụ công, các quy định về khung giá dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế - kỹ thuật theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (nếu có).

- Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: việc xây dựng, nâng cấp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung. Việc tạo lập hồ sơ công việc trên Hệ thống văn phòng điện tử. Kết quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đội thanh niên tình nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại các địa phương; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần.

(Có Đề cương Báo cáo kèm theo Kế hoạch này)

b) Đối tượng kiểm tra

- Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập: Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ, Trường Cao đẳng Y tế.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trực thuộc các địa phương: Hoài Nhơn, Phù Mỹ, An Lão.

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương không thuộc đối tượng kiểm tra nêu trên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc theo nội dung kiểm tra tại Kế hoạch này và gửi báo cáo kết quả công tác kiểm tra cải cách hành chính năm 2023 về Sở Nội vụ trước ngày 10 tháng 12 năm 2023 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kiểm tra chuyên đề

a) Kiểm tra việc khắc phục những tồn tại, hạn chế theo thông báo kết luận kiểm tra cải cách hành chính từ năm 2020 đến năm 2022 đối với Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước, huyện Phù Cát (bao gồm một số cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã trực thuộc).

b) Kiểm tra chuyên đề công tác giải quyết thủ tục hành chính: việc khắc phục những tồn tại, hạn chế theo nội dung thông báo kết luận kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền từ năm 2020 đến thời điểm kiểm tra; công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, chứng thực điện tử; số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc khai thác, sử dụng thông tin công dân thông qua “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh” (đã được tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư) phục vụ cho công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính...

c) Kiểm tra việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và thực hiện các giải pháp nâng cao mức độ hài lòng của người dân trong cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập tại: Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn, Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn, Trung tâm Y tế Thị xã An Nhơn, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bồng Sơn.

d) Kiểm tra việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác và thực hiện các giải pháp nâng cao mức độ hài lòng của người dân trong cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập: Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

III. PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Phương pháp kiểm tra

a) Kiểm tra thực tế việc triển khai các nội dung có liên quan đến công tác cải cách hành chính và các nội dung kiểm tra chuyên đề.

b) Làm việc với lãnh đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện được kiểm tra về các nội dung:

- Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính, báo cáo nội dung kiểm tra chuyên đề của sở, ngành, địa phương được kiểm tra (theo mẫu do các Đoàn kiểm tra triển khai) và những đề xuất, kiến nghị;

- Lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo những vấn đề về triển khai công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra;

- Trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

2. Thời gian kiểm tra

a) Thời gian kiểm tra: Từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2023.

b) Thời gian kiểm tra cụ thể do các Trưởng đoàn bố trí và thông báo. Dự kiến mỗi sở, ngành, địa phương được tiến hành kiểm tra trong khoảng từ 02 - 2,5 ngày (gồm: 1,5 - 02 ngày kiểm tra chuyên sâu ở cấp chuyên viên; 0,5 - 01 ngày kiểm tra, kết luận của Trưởng đoàn).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và kiểm tra chuyên đề khác được bố trí từ nguồn kinh phí cải cách hành chính Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho Sở Nội vụ trong năm 2023.

2. Kinh phí tổ chức kiểm tra chuyên đề công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được bố trí từ nguồn kinh phí không tự chủ đã giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm 2023.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm:

a) Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh để tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và kiểm tra các chuyên đề theo quy định tại điểm a, c, d khoản 2 mục II Kế hoạch này. Đoàn Kiểm tra do Lãnh đạo Sở Nội vụ làm Trưởng đoàn và thành viên là đại diện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông và một số cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Báo cáo kết quả kiểm tra và tham mưu, đề xuất cụ thể đối với các vấn đề phát hiện thông qua hoạt động kiểm tra để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo việc thực hiện.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra do Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn và các thành viên là cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Công an tỉnh; lựa chọn các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc đối tượng kiểm tra và tiến hành hoạt động kiểm tra chuyên đề công tác giải quyết thủ tục hành chính tại điểm b khoản 2 mục II. Trong đó lưu ý: đối tượng kiểm tra không

được trùng với các đối tượng kiểm tra tại điểm a, c, d khoản 2 mục II Kế hoạch.

b) Báo cáo kết quả kiểm tra và tham mưu, đề xuất cụ thể đối với các vấn đề phát hiện thông qua hoạt động kiểm tra để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo việc thực hiện.

3. Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào Kế hoạch này, chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được giao; báo cáo kết quả về Sở Nội vụ trước ngày 10 tháng 12 năm 2023 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các báo cáo, tài liệu và thành phần làm việc theo thông báo của các Đoàn kiểm tra.

4. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các cơ quan truyền thông của tỉnh có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền, đưa tin về hoạt động kiểm tra cải cách hành chính theo Kế hoạch này./.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Phục vụ nhiệm vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023

Báo cáo phục vụ công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 với một số nội dung trọng tâm, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành; tổ chức các hội nghị giao ban, quán triệt chương trình, kế hoạch của tỉnh, của cơ quan, đơn vị, địa phương; đánh giá kết quả triển khai thực hiện, mức độ hoàn thành đối với từng nội dung nhiệm vụ đã đề ra theo kế hoạch.

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra hàng năm; kết quả thực hiện, số đơn vị được kiểm tra, việc xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền hàng năm; kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền, mức độ hoàn thành kế hoạch.

- Việc chấp hành công tác thông tin, báo cáo; công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương và những sáng kiến trong triển khai thực hiện.

- Việc khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao các Chỉ số Par index (do Bộ Nội vụ và tỉnh công bố), SIPAS, PAPI, PCI; các chỉ số cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng, năng lực cạnh tranh (DDCI) do tỉnh công bố.

2. Cải cách thể chế

- Việc tham mưu ban hành các văn bản quy định chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên (tham mưu ban hành đầy đủ, đúng tiến độ, đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản và chất lượng văn bản).

- Việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- Việc theo dõi thi hành pháp luật.

- Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế chính sách đảm bảo việc tiếp cận của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Việc ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo phạm vi chức năng, thẩm quyền quản lý.

- Việc niêm yết, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương; công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định.

- Triển khai Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh” gắn với công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện ủy quyền, phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính; xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quy định hành chính.

Tình hình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cập nhật kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên thông một cửa điện tử; xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quy định hành chính. Kết quả triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần; tình trạng trễ hẹn, quá hạn; lý do trễ hẹn, quá hạn và việc gửi thư xin lỗi tổ chức, công dân theo quy định.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Việc rà soát sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong và cơ cấu số lượng chức danh lãnh đạo theo quy định của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Việc hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện.

- Thực hiện tinh giản biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo kế hoạch đề ra giai đoạn 2022-2026.

- Thực hiện việc chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Thực hiện phân cấp, ủy quyền; công tác kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ thực hiện phân cấp, ủy quyền thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; xử lý các vấn đề về phân cấp, ủy quyền phát hiện qua kiểm tra.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2023-2025; thực hiện các giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao bằng sản phẩm cụ thể và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Việc tuyển dụng công chức cấp xã, tuyển dụng viên chức; bố trí cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo đúng quy định (đối với cấp huyện, cấp xã)

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương

6. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Việc rà soát xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tình hình tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (nếu có).

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Tình hình triển khai kế hoạch phát triển thông tin, truyền thông và chuyển đổi số của cơ quan;

- Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin: Việc tạo lập hồ sơ công việc trên Hệ thống văn phòng điện tử, phần mềm Một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến, trang thông tin điện tử, chữ ký số, hóa đơn điện tử...

- Việc quản lý, vận hành Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý. Kết quả triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần.

- Việc tổ chức triển khai thanh toán trực tuyến: công tác tuyên truyền; số lượng TTHC đã triển khai thanh toán trực tuyến; số lượng hồ sơ phát sinh.

- Việc triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ/đội thanh niên tình nguyện về dịch vụ công trực tuyến tại các địa phương.

II. TỒN HẠI, HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Tồn tại, hạn chế

2. Nguyên nhân

3. Giải pháp khắc phục

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, ngành có liên quan để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới./.